

Số: 08/2022/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2022

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VIỆC CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẦU THẦU VÀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRÊN HỆ THỐNG MẠNG ĐẦU THẦU QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết:

a) Việc lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hoá, xây lắp, mua thuốc thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu được tổ chức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ;

b) Cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

c) Quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp không hoàn trả cho nhà thầu.

2. Việc xác định danh sách ngắn qua mạng, lựa chọn nhà thầu qua mạng chưa áp dụng đối với gói thầu tổ chức đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp, gói thầu theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ. Đối với đấu thầu quốc tế, việc lập hồ sơ mời thầu có thể vận dụng quy định tại Thông tư này và các thông tư hướng dẫn đấu thầu mua sắm công theo các Hiệp định Thương mại tự do mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc ký kết trên cơ sở bảo đảm không trái với Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

3. Thông tin về đấu thầu đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi phát sinh từ điều ước quốc tế, thỏa thuận giữa Việt Nam với nhà tài trợ được khuyến khích đăng tải trên Báo Đấu thầu và trên mục "vốn khác" của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. Đối với dự án, gói thầu có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì không phải cung cấp, đăng tải thông tin bí mật đó theo quy định của Thông tư này. Việc quản lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lựa chọn nhà thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này nhưng chọn áp dụng quy định của Thông tư này. Trong trường hợp này, quy trình thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng* trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* (sau đây gọi là Hệ thống) là hệ thống công nghệ thông tin do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và quản lý theo quy định tại khoản 26 Điều 4 của Luật Đấu thầu có địa chỉ tại <https://muasamcong.mpi.gov.vn>.

2. *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp* là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

3. *Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia* (sau đây gọi là Trung tâm) thuộc Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là tổ chức vận hành Hệ thống theo quy định tại Điều 85 của Luật Đấu thầu.

4. Các từ ngữ viết tắt tại Thông tư này và trên Hệ thống, bao gồm:

a) *Nghị định số 63/2014/NĐ-CP* là Nghị định của Chính phủ được ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

b) *Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT* là Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2017 quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

c) *Thông tư số 05/2020/TT-BKHĐT* là Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

d) *Thông tư số 15/2019/TT-BYT* là Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế được ban hành ngày 11 tháng 7 năm 2019 quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

đ) *Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT* là Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được ban hành ngày 30 tháng 9 năm 2021 quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí về đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu;

e) *E-TBMST* là thông báo mời sơ tuyển qua mạng;

g) *E-TBMQT* là thông báo mời quan tâm qua mạng;

h) *E-TBMT* là thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng qua mạng;

i) *E-HSMQT* là hồ sơ mời quan tâm qua mạng;

k) *E-HSQT* là hồ sơ quan tâm qua mạng;

l) *E-HSMST* là hồ sơ mời sơ tuyển qua mạng;

m) *E-HSDST* là hồ sơ dự sơ tuyển qua mạng;

n) *E-HSMT* hồ sơ mời thầu đối với đấu thầu rộng rãi qua mạng, đấu thầu hạn chế qua mạng, hồ sơ yêu cầu đối với chào hàng cạnh tranh qua mạng theo quy trình thông thường, yêu cầu báo giá đối với chào hàng cạnh tranh rút gọn qua mạng;

o) *E-HSDT* là hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi qua mạng, đấu thầu hạn chế qua mạng, hồ sơ đề xuất đối với chào hàng cạnh tranh qua mạng theo quy trình thông thường, báo giá đối với chào hàng cạnh tranh rút gọn qua mạng;

p) *E-HSDXKT* là hồ sơ đề xuất về kỹ thuật qua mạng;

q) *E-HSDXTC* là hồ sơ đề xuất về tài chính qua mạng.

5. *Văn bản điện tử* là văn bản, thông tin được gửi, nhận và lưu trữ thành công trên Hệ thống, bao gồm:

a) Thông tin về dự án;

b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

c) E-TBMQT, E-TBMST, E-TBMT, thông báo mời thầu, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm;

d) Danh sách ngắn;

đ) E-HSMQT, E-HSQT, E-HSMST, E-HSDST, E-HSMT, E-HSDT, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; nội dung làm rõ E-HSMST, E-HSMQT, E-HSQT, E-HSDST, E-HSMT, E-HSDT, E-HSĐXKT, E-HSĐXTC, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu;

e) Thỏa thuận liên danh;

g) Biên bản mở thầu, biên bản mở E-HSĐXKT, biên bản mở E-HSĐXTC;

h) Báo cáo đánh giá E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT;

i) Kết quả lựa chọn nhà thầu;

k) Nội dung kiến nghị kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu qua mạng;

l) Văn bản dưới dạng điện tử khác được trao đổi trên Hệ thống,

6. *Thông tin không hợp lệ* là thông tin do đối tượng quy định tại Điều 2 của Thông tư này đăng tải trên Hệ thống không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

7. *Chứng thư số* sử dụng trên Hệ thống tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn> là chứng thư số công cộng do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp.

8. *Hướng dẫn sử dụng* là tài liệu điện tử được đăng tải trên Hệ thống để hướng dẫn người dùng thực hiện các giao dịch trên Hệ thống.

9. *Tổ chức tham gia Hệ thống* là các cơ quan, tổ chức đăng ký tham gia Hệ thống với một hoặc một số vai trò như sau:

a) Chủ đầu tư;

b) Bên mời thầu;

c) Nhà thầu;

d) Đơn vị quản lý về đấu thầu;

đ) Cơ sở đào tạo về đấu thầu.

10. *Tài khoản tham gia Hệ thống* là tài khoản do Trung tâm cấp cho Tổ chức tham gia Hệ thống để thực hiện một hoặc một số vai trò quy định tại khoản 9 Điều này.

11. *Tài khoản nghiệp vụ* là tài khoản được tạo bởi Tài khoản tham gia Hệ thống để thực hiện các nghiệp vụ trên Hệ thống.

12. *Doanh nghiệp dự án e-GP* là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống Đấu thầu qua mạng Quốc gia do Nhà đầu tư thành lập theo quy định tại Hợp đồng BOT Dự án e-GP.

13. *Hợp đồng BOT dự án e-GP* là hợp đồng được ký kết giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Nhà đầu tư (Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT) để đầu tư, thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp và chuyển giao Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo hình thức đối tác công tư.

Điều 4. Áp dụng các Mẫu hồ sơ và Phụ lục

1. Đối với gói thầu xây lắp:

a) Mẫu số 1A sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 1B sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 1C sử dụng để lập E-HSMST.

2. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa (bao gồm cả trường hợp mua sắm tập trung):

a) Mẫu số 2A sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 2B sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 2C sử dụng để lập E-HSMST.

3. Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn:

a) Mẫu số 3A sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 3B sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 3C sử dụng để lập E-HSMST.

4. Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn:

a) Mẫu số 4A sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

b) Mẫu số 4B sử dụng để lập E-HSMQT.

5. Mẫu số 5 sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh theo quy trình rút gọn.

6. Đối với Mẫu báo cáo đánh giá:

a) Mẫu số 6A sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSMT theo quy trình 01 quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Thông tư này cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 6B sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSMT theo quy trình 02 quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Thông tư này cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

c) Mẫu số 6C sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSMT cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

d) Mẫu số 6D sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSMT cho gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

7. Đối với gói thầu mua thuốc:

a) Mẫu số 7A sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 7B sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

8. Phụ lục:

a) Phụ lục 1A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá E-HSĐXKT (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

b) Phụ lục 1B: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

c) Phụ lục 2A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ);

d) Phụ lục 2B: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

đ) Phụ lục 3A: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, phi tư vấn);

e) Phụ lục 3B: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu dịch vụ tư vấn);

g) Phụ lục 3C: Mẫu Kết quả đối chiếu tài liệu (đối với tất cả các gói thầu);

h) Phụ lục 4: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

- i) Phụ lục 5: Mẫu Bản cam kết;
- k) Phụ lục 6: Phiếu đăng ký thông tin văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu;
- l) Phụ lục 7: Phiếu đăng ký thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam;
- m) Phụ lục 8: Phiếu đăng ký thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;
- n) Phụ lục 9: Một số quy định của E-HSMT vi phạm khoản 2 Điều 12 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

9. Đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ hoặc liên quốc gia, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nếu được nhà tài trợ chấp thuận thì việc lập E-HSMT, E-HSMQT, E-HSMST, báo cáo đánh giá E-HSDT, E-HSQT, E-HSDST được áp dụng theo các Mẫu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 5. Quy định về định dạng của tệp tin (file) đính kèm

1. Tệp tin (file) đăng tải lên Hệ thống phải bảo đảm:

a) Các file mở, đọc được bằng các phần mềm thông dụng như: các phần mềm đọc, soạn thảo văn bản MS Office hoặc Open Office; các phần mềm đọc file PDF; các phần mềm thiết kế thông dụng như AutoCad, Photoshop; phần mềm đọc file ảnh tích hợp sẵn trên Hệ điều hành Windows. Các file sử dụng phông chữ thuộc bảng mã Unicode;

b) Các file nén mở được bằng các phần mềm giải nén thông dụng như phần mềm giải nén ZIP tích hợp sẵn trên hệ điều hành Windows hoặc phần mềm giải nén Rar hoặc 7Zip. Trường hợp sử dụng file nén, các file sau khi giải nén phải có định dạng quy định tại điểm a khoản này;

c) Không bị nhiễm virus, không bị lỗi, hỏng và không thiết lập mật khẩu.

2. Trường hợp file đính kèm trong hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời thầu, E-HSMT không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể mở hoặc không đọc được thì bên mời thầu phải đăng tải và phát hành lại toàn bộ hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời thầu, E-HSMT.

3. Trường hợp file đính kèm trong E-HSDT, E-HSQT, E-HSDST không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này dẫn đến không thể mở hoặc không đọc được thì các file này không được xem xét, đánh giá.

Điều 6. Xử lý kỹ thuật trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố ngoài khả năng kiểm soát

1. Trường hợp gặp sự cố dẫn đến Hệ thống không thể vận hành thì các gói thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng có thời điểm đóng thầu, thời điểm hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-

HSDT nằm trong khoảng thời gian từ khi Hệ thống bị sự cố cho đến thời điểm sau hoàn thành khắc phục sự cố 02 giờ sẽ được Hệ thống tự động gia hạn đến thời điểm đóng thầu mới, thời điểm hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT mới là sau 06 giờ kể từ thời điểm hoàn thành khắc phục sự cố.

2. Trường hợp thời điểm đóng thầu mới và thời điểm hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT mới theo quy định tại khoản 1 Điều này nằm sau 17 giờ 00 phút thì Hệ thống tự động gia hạn đến 9 giờ 00 phút của ngày tiếp theo.

3. Trường hợp Hệ thống tự động gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì việc đánh giá E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT được thực hiện trên cơ sở thời điểm đóng thầu nêu trong E-TBMQT, E-TBMST, E-TBMT trước thời điểm Hệ thống gặp sự cố.

4. Trường hợp gặp sự cố dẫn đến Hệ thống không thể vận hành và việc khắc phục sự cố dự kiến diễn ra trong thời hạn dài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thông báo trên Hệ thống cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu trong thời gian Hệ thống gặp sự cố, bao gồm việc tổ chức lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

Điều 7. Đăng ký tham gia Hệ thống và xử lý hồ sơ đăng ký

1. Quy trình đăng ký của Tổ chức tham gia Hệ thống được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia Hệ thống gồm:

a) Đơn đăng ký tham gia Hệ thống được hình thành trên Hệ thống theo quy trình đăng ký quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Tổ chức tham gia Hệ thống ủy quyền ký đơn đăng ký thì giấy ủy quyền này phải được đính kèm trên Hệ thống;

b) Trường hợp Tổ chức tham gia Hệ thống không có tên trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì phải đính kèm trên Hệ thống bản chụp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh cá thể) hoặc các tài liệu tương đương khác.

3. Bổ sung, sửa đổi thông tin đã đăng ký trên Hệ thống:

a) Việc sửa đổi thông tin đã đăng ký trên Hệ thống (bao gồm việc bổ sung các vai trò cho Tài khoản tham gia hệ thống) được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*;

b) Hệ thống tự động cập nhật thông tin của Tổ chức tham gia Hệ thống theo Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Chấm dứt hoặc tạm ngừng tham gia Hệ thống:

a) Trường hợp Tổ chức tham gia Hệ thống có yêu cầu tạm ngừng toàn bộ hoặc một số vai trò của Tài khoản tham gia Hệ thống thì thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*;

b) Trường hợp Tổ chức tham gia Hệ thống không thanh toán chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT thì Hệ thống tạm ngừng một hoặc một số vai trò của Tài khoản tham gia Hệ thống cho đến khi hoàn thành trách nhiệm thanh toán theo quy định;

c) Trường hợp Tổ chức tham gia Hệ thống đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại theo quy định của pháp luật thì Hệ thống sẽ tự động cập nhật trạng thái chấm dứt Tài khoản tham gia Hệ thống theo thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

d) Trường hợp Tài khoản tham gia Hệ thống có trạng thái tài khoản là đang chấm dứt, tạm ngừng đối với vai trò nhà thầu thì Tổ chức tham gia Hệ thống không bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu, Mục 5 Chương I các Mẫu E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Khôi phục Tài khoản tham gia Hệ thống:

Việc khôi phục Tài khoản tham gia Hệ thống sau khi đã tạm ngừng hoặc chấm dứt theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều này được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

6. Quy trình và thời hạn xử lý hồ sơ:

Trung tâm có trách nhiệm xử lý hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 3, các điểm a, b, d khoản 4 và khoản 5 Điều này trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu trên Hệ thống đồng thời thông báo kết quả xử lý cho Tổ chức tham gia Hệ thống qua bảng thông báo trên Hệ thống, thư điện tử (e-mail), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc các kênh thông tin khác và được hướng dẫn chi tiết trong *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 8. Quản lý tài khoản và sử dụng chứng thư số

1. Tạo lập tài khoản nghiệp vụ:

Tài khoản tham gia Hệ thống tạo, phân quyền cho Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với các vai trò của Tổ chức tham gia Hệ thống được quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 9 Điều 3 của Thông tư này; khóa, mở khóa; thiết lập lại mật khẩu, hình thức xác thực, thiết bị xác thực đăng nhập cho Tài khoản nghiệp vụ.

2. Sử dụng chứng thư số trên Hệ thống:

a) Tổ chức được cấp chứng thư số theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Thông tư này khi tham gia Hệ thống phải đăng ký sử dụng chứng thư số theo *Hướng dẫn sử dụng*. Chứng thư số sử dụng trên Hệ thống là chứng thư số được cấp cho tổ chức;

b) Chứng thư số được sử dụng để tạo chữ ký số và xác thực tổ chức;

c) Việc đăng ký sử dụng, thay đổi, hủy thông tin chứng thư số của Tổ chức tham gia Hệ thống thực hiện trên Hệ thống theo *Hướng dẫn sử dụng*;

d) Tổ chức tham gia Hệ thống có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác của chứng thư số sử dụng trên Hệ thống.

3. Tổ chức, cá nhân cố tình đăng tải thông tin quy định tại Điều 8 Luật Đấu thầu mà nội dung thông tin này không có thật sẽ bị khóa tài khoản trong 12 tháng.

Điều 9. Gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống

1. Văn bản điện tử quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư này có giá trị pháp lý, làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân theo quy định tại khoản 5 Điều 85 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Thời điểm gửi, nhận văn bản điện tử được xác định căn cứ theo thời gian thực ghi lại trên Hệ thống. Văn bản điện tử đã gửi thành công được lưu trữ trên Hệ thống.

3. Khi người sử dụng gửi văn bản điện tử trên Hệ thống, Hệ thống phải phản hồi cho người sử dụng về việc gửi thành công hoặc không thành công.

4. Tổ chức tham gia Hệ thống đăng ký thành công trên Hệ thống được quyền truy xuất tình trạng văn bản điện tử của mình và các thông tin khác trên Hệ thống. Thông tin về lịch sử giao dịch được sử dụng để giải quyết tranh chấp (nếu có) về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân không được yêu cầu cung cấp văn bản giấy khi tổ chức, cá nhân này có thể tra cứu, truy xuất văn bản điện tử tương ứng trên Hệ thống, trừ trường hợp cần kiểm tra, xác nhận bằng văn bản gốc.

Điều 10. Điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin

Tổ chức tham gia Hệ thống phải đáp ứng yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin quy định tại khoản 1 Điều 79 và khoản 1 Điều 80 của Luật Đấu thầu và được hướng dẫn chi tiết tại *Hướng dẫn sử dụng*.

Chương II

ĐĂNG TẢI, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU

Mục 1. THÔNG TIN VÀ QUY TRÌNH ĐĂNG TẢI TRÊN HỆ THỐNG

Điều 11. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu

1. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu trên Hệ thống, bao gồm:

- a) Thông tin chung về nhà thầu;
- b) Số liệu về báo cáo tài chính hàng năm;
- c) Thông tin về các hợp đồng đã và đang thực hiện;

- d) Thông tin về nhân sự chủ chốt;
- đ) Thông tin về máy móc, thiết bị;
- e) Thông tin về uy tín của nhà thầu.

2. Nhà thầu chủ động cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình theo quy định tại khoản 1 Điều này trên Hệ thống và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin đã kê khai trên Hệ thống. Trường hợp nhà thầu tự thực hiện việc chỉnh sửa trên Hệ thống, Hệ thống sẽ lưu lại toàn bộ các thông tin trước và sau khi nhà thầu thực hiện chỉnh sửa. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu được xác thực bằng chữ ký số của nhà thầu.

3. Nhà thầu cần đính kèm các văn bản, tài liệu để chứng minh tính xác thực về năng lực, kinh nghiệm, tài liệu đính kèm sẽ được lưu trữ và quản lý trên Hệ thống.

4. Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào thì bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 của Luật Đấu thầu.

5. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trường hợp số liệu về báo cáo tài chính trên Hệ thống đã được cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu không phải kê khai số liệu về báo cáo tài chính. Đối với số liệu báo cáo tài chính từ năm 2021 trở đi, trường hợp nhà thầu phát hiện Hệ thống chưa cập nhật số liệu so với Hệ thống thuế điện tử thì nhà thầu sửa đổi cho phù hợp với số liệu đã báo cáo với cơ quan thuế, Hệ thống sẽ lưu lại các phiên bản sửa đổi thông tin của nhà thầu.

Điều 12. Thông tin về dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Thời gian đăng tải:

Thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chủ đầu tư (đối với dự án đầu tư phát triển), bên mời thầu (đối với mua sắm thường xuyên) đăng tải trên Hệ thống trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Thông tin cơ bản về dự án được đăng tải đồng thời với kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2. Tài liệu đính kèm:

Chủ đầu tư (đối với dự án đầu tư phát triển), bên mời thầu (đối với mua sắm thường xuyên) phải đính kèm Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong quá trình đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự án được thực hiện trên cơ sở kế hoạch bố trí vốn cho cả dự án, không bắt buộc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch vốn của từng năm.

Điều 13. Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, E-TBMQT, E-TBMST

Bên mời thầu đăng tải thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, E- TBMQT, E-TBMST trên Hệ thống theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phù hợp với thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Việc sửa đổi, hủy thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, E-TBMQT, E-TBMST chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu, trừ trường hợp không có nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, E-HSQT, E-HSDST.

Điều 14. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST

1. Phát hành:

a) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi đăng tải thành công thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, E-TBMQT, E-TBMST. Trong quá trình đăng tải thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, E-TBMQT, E-TBMST, bên mời thầu phải đính kèm các tài liệu sau đây:

- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST;
- Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST đã được phê duyệt.

Chủ đầu tư, bên mời thầu không được phát hành bản giấy hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển cho nhà thầu. Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu phát hành bản giấy cho nhà thầu thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển.

b) Trường hợp nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST được đăng tải trên Hệ thống có sự sai khác với nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST được phê duyệt thì hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST phát hành trên Hệ thống là cơ sở để lập, đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, E-HSQT, E-HSDST.

2. Sửa đổi:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu theo một trong hai cách sau đây trên Hệ thống:

- Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển;
- Quyết định sửa đổi và hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển đã được sửa đổi, trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển đã được sửa đổi phải thể hiện rõ nội dung sửa đổi.

b) Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp sửa đổi E-HSMQT, E-HSMST sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống:

- Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMQT, E-HSMST;

- E-HSMQT, E-HSMST đã được sửa đổi.

3. Làm rõ:

a) Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST, nhà thầu gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

b) Bên mời thầu đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Nội dung làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST không được trái với nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST đã được phê duyệt. Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST thì việc sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này trên cơ sở tuân thủ thời gian theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 12 của Luật Đấu thầu.

Điều 15. Danh sách ngắn

1. Thời gian đăng tải:

Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn trên Hệ thống trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày danh sách ngắn được phê duyệt.

2. Tài liệu đính kèm:

Bên mời thầu đính kèm quyết định phê duyệt danh sách ngắn trong quá trình đăng tải danh sách ngắn.

Điều 16. Thông báo mời thầu, E-TBMT

Bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu, E-TBMT trên Hệ thống theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phù hợp với thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Việc sửa đổi, hủy thông báo mời thầu, E-TBMT chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu, trừ trường hợp không có nhà thầu nào nộp hồ sơ dự thầu, E-HSDT.

Điều 17. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT

1. Phát hành:

a) Trong quá trình đăng tải thông báo mời thầu, E-TBMT, bên mời thầu phải đính kèm các tài liệu sau đây:

- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, E-HSMT;

- Hồ sơ mời thầu, E-HSMT đã được phê duyệt;

Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống ngay sau khi đăng tải thành công thông báo mời thầu. Trường hợp bán hồ sơ mời thầu (bản điện tử đã phát hành trên Hệ thống) thì khi nộp hồ sơ dự thầu nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Bên mời thầu không được phát hành hồ sơ mời thầu bản giấy cho nhà thầu, trường hợp bên mời thầu phát hành bản giấy cho nhà thầu thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu.

b) Trường hợp nội dung của hồ sơ mời thầu, E-HSMT được đăng tải trên Hệ thống có sự sai khác với nội dung của hồ sơ mời thầu, E-HSMT được phê duyệt thì hồ sơ mời thầu, E-HSMT phát hành trên Hệ thống là cơ sở để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu, E-HSDT.

2. Sửa đổi:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu theo một trong hai cách sau đây trên Hệ thống:

- Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu;
- Quyết định sửa đổi và hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi, trong hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi phải thể hiện rõ nội dung sửa đổi.

b) Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp sửa đổi E-HSMT sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống:

- Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMT;
- E-HSMT đã được sửa đổi.

3. Làm rõ:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống tối thiểu 03 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), tối thiểu 05 ngày làm việc (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

b) Bên mời thầu tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ của nhà thầu và đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu, E-HSMT đã được phê duyệt. Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu, E-HSMT thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu, E-HSMT thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này trên cơ sở tuân thủ thời gian theo quy định

tại điểm m khoản 1 Điều 12 của Luật Đấu thầu và điểm c khoản 2 Điều 64 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;

d) Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu, E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.

Điều 18. Hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải

Việc hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 19. Kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Thời gian đăng tải:

Bên mời thầu đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Tài liệu đính kèm bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Báo cáo đánh giá E-HSMT đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia);

c) Trường hợp dự toán của gói thầu được duyệt trong quá trình phát hành E-HSMT hoặc khi xử lý tình huống theo khoản 8 Điều 117 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP mà kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được đăng tải thì bên mời thầu cập nhật dự toán và đính kèm Quyết định phê duyệt dự toán.

3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa phải công khai chi tiết thông tin về các hạng mục hàng hóa trúng thầu bao gồm danh mục hàng hóa, ký mã hiệu, mô tả hàng hóa, xuất xứ, khối lượng, đơn giá trúng thầu.

Điều 20. Quy trình đăng tải trên Hệ thống

Quy trình đăng tải thông tin tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 19 của Thông tư này được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Mục 2. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Điều 21. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại các khoản 1, 5, 8, 10 và 13 Điều 74 của Luật Đấu thầu.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải lên Hệ thống khi đăng nhập bằng Tài khoản tham gia Hệ thống của mình.

3. Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải các thông tin của mình trên Hệ thống.

4. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

Điều 22. Trách nhiệm của bên mời thầu

1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại các điểm a, b, c, d, k khoản 1 và các điểm a, b, c, đ, e, k khoản 2 Điều 75 của Luật Đấu thầu.

2. Đăng tải lên Hệ thống thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam theo Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này, việc đăng tải thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*. Thông tin được gửi đồng thời đến Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 128 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

3. Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải thông tin quy định tại các Điều 13, 15, 16, 18 và 19 của Thông tư này bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

4. Bên mời thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất của tài liệu đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt. Trường hợp có sự sai khác giữa tài liệu được đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt thì tài liệu đăng tải trên Hệ thống sẽ là cơ sở pháp lý để thực hiện.

5. Theo dõi, cập nhật các thông tin đã đăng tải trên Hệ thống và các thông tin mà Hệ thống phản hồi.

6. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

Điều 23. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Đăng ký tham gia Hệ thống để được phê duyệt theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này trước thời điểm đóng thầu nhằm bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 77 của Luật Đấu thầu.

3. Cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Điều 80 của Luật Đấu thầu và Điều 7 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

4. Quản lý tài khoản tham gia Hệ thống, chứng thư số đăng ký trên Hệ thống.

Điều 24. Trách nhiệm của Trung tâm, Doanh nghiệp dự án e-GP và Báo Đấu thầu

1. Trung tâm có trách nhiệm:

- a) Quản lý, giám sát vận hành Hệ thống, đảm bảo Hệ thống hoạt động ổn định, liên tục, an toàn, bảo mật;
- b) Xây dựng tài liệu *Hướng dẫn sử dụng*; hỗ trợ tổ chức tham gia Hệ thống trong quá trình đăng ký, cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà thầu qua mạng;
- c) Cung cấp các dịch vụ tuyên truyền, đào tạo, hướng dẫn tổ chức tham gia Hệ thống và triển khai các dịch vụ liên quan đến thông tin về đấu thầu, lựa chọn nhà thầu qua mạng;
- d) Phối hợp với Doanh nghiệp dự án e-GP thực hiện trách nhiệm quy định tại các khoản 2, 4 và 5 Điều 85 của Luật Đấu thầu.

2. Doanh nghiệp dự án e-GP có trách nhiệm:

- a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 85 của Luật Đấu thầu;
- b) Bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật cơ sở dữ liệu của Hệ thống;
- c) Bảo đảm tính toàn vẹn của các hồ sơ trên Hệ thống, bao gồm cả việc ngăn chặn hành vi truy cập trái phép, hành vi thay thế hồ sơ bất hợp pháp;
- d) Bảo đảm an toàn, an ninh bảo mật cho người dùng và quản lý hồ sơ người dùng; bảo đảm Hệ thống có cơ chế lưu vết theo thời gian, theo hành động trên Hệ thống;
- đ) Xây dựng Hệ thống đảm bảo tương thích với các hệ thống khác; giao diện thân thiện, đáp ứng tiêu chuẩn trong lĩnh vực công nghệ thông tin; thuận tiện, dễ sử dụng cho các đối tượng sử dụng Hệ thống;
- e) Có cơ chế quản trị rủi ro hệ thống (đảm bảo chịu được lưu lượng thông tin lớn...);
- g) Không được sử dụng các thông tin về dự án, gói thầu, nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu và các thông tin khác trên Hệ thống để phục vụ cho các mục đích ngoài mục đích xây dựng, vận hành Hệ thống;
- h) Đảm bảo hệ thống phản ứng đáp ứng yêu cầu.

Doanh nghiệp dự án e-GP chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung nêu tại các điểm b, c, d, e, g và h khoản này. Trường hợp để xảy ra sai sót, Doanh nghiệp dự án e-GP và các cá nhân liên quan bị xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng BOT dự án e-GP và pháp luật có liên quan.

3. Bảo Đấu thầu có trách nhiệm:

- a) Rà soát, phát hiện các thông tin không hợp lệ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Thông tư này và thông báo cho chủ đầu tư, bên mời thầu trong thời hạn tối đa là 01 ngày làm việc, kể từ khi chủ đầu tư, bên mời thầu tự đăng tải thông tin trên Hệ thống. Việc thông báo được thực hiện trên Hệ thống, thư điện tử (email), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc các kênh thông

tin khác về nội dung thông tin không hợp lệ để chủ đầu tư, bên mời thầu tự chỉnh sửa, hoàn thiện, đăng tải lại trên Hệ thống;

b) Trích xuất thông tin quy định tại các Điều 13, 15, 16 và 18 của Thông tư này để đăng tải 01 kỳ trên Báo Đấu thầu trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ khi chủ đầu tư, bên mời thầu tự đăng tải thông tin lên Hệ thống theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

4. Trường hợp để xảy ra sai sót trong việc đăng tải thông tin về đấu thầu như đăng chậm, sai nội dung hoặc cố tình không đăng tải thông tin gây thiệt hại cho chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu thì Báo Đấu thầu phải đăng tải thông tin bổ sung, đính chính công khai theo quy định của pháp luật về báo chí. Tùy theo mức độ sai sót, tổ chức, cá nhân liên quan thuộc Báo Đấu thầu còn bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, pháp luật về người lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU QUA MẠNG

Điều 25. Lập, trình, thẩm định, phê duyệt E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT

1. Bên mời thầu tổ chức lập E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT trên Hệ thống. Sau khi lập E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, bên mời thầu trình chủ đầu tư để chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT. Việc phê duyệt E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT được thực hiện không qua mạng.

2. E-HSMT phải bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu đăng tải E-HSMT không đầy đủ thông tin (như thiếu thiết kế, bản vẽ...) hoặc thông tin không rõ ràng, gây khó khăn cho nhà thầu trong việc chuẩn bị E-HSDT thì E-HSMT này là không hợp lệ; chủ đầu tư, bên mời thầu phải sửa đổi, bổ sung E-HSMT cho phù hợp và tiến hành đăng tải lại E-HSMT.

3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, bằng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong E-HSMST, E-HSMT được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Chủ đầu tư, bên mời thầu không được đính kèm các file yêu cầu khác về bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong E-HSMST, E-HSMT. Bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm không phải là bản được số hóa dưới dạng webform sẽ không được coi là một phần của E-HSMST, E-HSMT và nhà thầu không phải đáp ứng các yêu cầu này.

4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT có sự thay đổi so với khi tham dự sơ tuyển thì nhà thầu phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.

5. Trường hợp E-HSMT có các nội dung dẫn đến hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP nêu tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo

Thông tư này thì bên mời thầu, tổ chuyên gia không được loại bỏ E-HSDT không đáp ứng các nội dung này.

6. Trường hợp thuê tư vấn để thực hiện vai trò của bên mời thầu, tổ chuyên gia để đăng tải thông tin, lập E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, đánh giá E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, đơn vị thuê thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 26. Trách nhiệm của nhà thầu trong quá trình tham dự thầu

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trên webform và file tài liệu đính kèm trong quá trình tham dự thầu. Nhà thầu nhập thông tin theo yêu cầu của E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT và đính kèm các file tài liệu để tạo thành bộ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT như sau:

a) Thông tin về tính hợp lệ của E-HSDT:

- Đối với nội dung về bảo đảm dự thầu, nhà thầu kê khai thông tin và đính kèm bản scan bảo đảm dự thầu;

- Đối với các nội dung còn lại, nhà thầu chỉ kê khai thông tin trên webform mà không cần đính kèm bản scan các văn bản, tài liệu liên quan.

b) Thông tin về năng lực, kinh nghiệm:

- Đối với hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất: nhà thầu kê khai và đính kèm file tài liệu liên quan để chứng minh thông tin đã kê khai;

- Đối với yêu cầu về nguồn lực tài chính: nhà thầu kê khai thông tin; trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng để chứng minh nguồn lực tài chính, ngoài việc phải kê khai thông tin, nhà thầu đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng;

- Đối với doanh thu hằng năm, giá trị tài sản ròng: kể từ năm 2021 trở đi, Hệ thống tự động trích xuất số liệu về báo cáo tài chính từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử vào hồ sơ năng lực của nhà thầu;

- Đối với các nội dung khác: nhà thầu kê khai trên webform mà không cần đính kèm bản scan các văn bản, tài liệu liên quan;

Đối với số liệu về báo cáo tài chính kể từ năm 2021 trở đi, trường hợp nhà thầu phát hiện Hệ thống chưa cập nhật số liệu so với Hệ thống thuế điện tử của các năm từ năm 2021 trở đi thì nhà thầu sửa đổi thông tin cho phù hợp với số liệu đã báo cáo với cơ quan thuế; trường hợp số liệu mà nhà thầu cập nhật, sửa đổi trên Hệ thống không thống nhất với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị coi là gian lận, vi phạm khoản 4 Điều 89 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT đối với các gói thầu mà nhà thầu quan tâm để chuẩn bị E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT cho phù hợp với yêu cầu của E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT. Trường hợp phát hiện E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT

có các nội dung không rõ ràng, gây khó khăn cho nhà thầu trong việc chuẩn bị E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT thì nhà thầu phải yêu cầu bên mời thầu làm rõ E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT để chủ đầu tư, bên mời thầu sửa đổi, bổ sung các tài liệu này cho phù hợp.

3. Nhà thầu có trách nhiệm theo dõi, cập nhật các thông tin trên Hệ thống đối với gói thầu mà nhà thầu quan tâm hoặc tham dự. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi về E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, thời gian nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, thời gian làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho giám đốc chi nhánh, giám đốc công ty con hạch toán phụ thuộc, giám đốc xí nghiệp... để thực hiện các công việc trong quá trình tham dự thầu thì việc tham dự thầu trên Hệ thống phải được thực hiện bằng tài khoản tham gia Hệ thống của nhà thầu mà không được sử dụng tài khoản tham gia Hệ thống của chi nhánh, công ty con, xí nghiệp... Đối với trường hợp sử dụng tài khoản tham gia Hệ thống của chi nhánh hoặc các đơn vị phụ thuộc (hạch toán phụ thuộc) thì nhà thầu sẽ bị coi là không đáp ứng về tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Điều 27. Giấy phép bán hàng và hàng hóa mẫu

1. Giấy phép bán hàng:

a) Trường hợp hàng hóa của gói thầu là hàng hóa thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường, đã được tiêu chuẩn hóa và được bảo hành theo quy định của nhà sản xuất, trong E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;

b) Trường hợp hàng hóa của gói thầu là hàng hóa đặc thù, phức tạp cần gắn với trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như bảo hành, bảo trì, sửa chữa, cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và các dịch vụ liên quan khác thì trong E-HSMT có thể yêu cầu nhà thầu tham dự thầu phải cung cấp giấy phép bán hàng của nhà sản xuất;

Trường hợp E-HSMT đưa ra yêu cầu cụ thể về giấy phép bán hàng (giấy phép bán hàng của hãng sản xuất hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất...) thì nhà thầu chỉ cần xuất trình một trong các tài liệu sau đây trước khi ký hợp đồng như: giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý được ủy quyền bán hàng hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;

c) Việc nhà thầu không đính kèm một trong các tài liệu quy định tại điểm b khoản này không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình một trong các tài liệu này trước khi ký kết hợp đồng.

2. Hàng hóa mẫu:

E-HSMT không được đưa ra yêu cầu về hàng mẫu; trường hợp cần yêu cầu về hàng mẫu để đánh giá về kỹ thuật thì chủ đầu tư phải trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trong tờ trình phải nêu rõ lý do yêu cầu về hàng mẫu. Chủ đầu tư, bên mời thầu phải bảo đảm việc yêu cầu cung cấp hàng mẫu không dẫn đến làm tăng chi phí của gói thầu, hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu cung cấp hàng mẫu, nhà thầu có thể nộp bổ sung hàng mẫu trong vòng 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu.

Điều 28. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình

Đối với gói thầu xây lắp, nhà thầu có thể đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình hoặc không đính kèm chứng chỉ này trong E-HSMT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có chứng chỉ này. Việc nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. E-HSMT của nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình trước khi trao hợp đồng.

Điều 29. Quy định về cam kết, hợp đồng nguyên tắc

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSMT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSMT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSMT.

Điều 30. Quy định về nhân sự chủ chốt, thiết bị

1. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt:

a) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa:

- Đối với phần công việc cung cấp hàng hóa, E-HSMT không được đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt;

- Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt;

- Trường hợp các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ, hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Trường hợp yêu cầu huy động nhân sự chủ chốt, trong tờ trình phê duyệt E-HSMT phải nêu rõ lý do để chủ đầu tư xem xét, quyết định. Chủ đầu tư, bên mời thầu phải bảo đảm việc yêu cầu huy động nhân sự chủ chốt không dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

b) Đối với gói thầu xây lắp:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự

chủ chốt đối với các vị trí mà pháp luật về xây dựng không có yêu cầu về tiêu chuẩn đối với chức danh đó hoặc đối với các vị trí kỹ thuật thông thường, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

c) Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn:

Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao thì không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Trường hợp yêu cầu huy động nhân sự chủ chốt, trong tờ trình phê duyệt E-HSMT phải nêu rõ lý do để chủ đầu tư xem xét, quyết định. Chủ đầu tư, bên mời thầu phải bảo đảm việc yêu cầu huy động nhân sự chủ chốt không dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. E-HSMT không được yêu cầu nhân sự chủ chốt đối với công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

d) Đối với gói thầu nêu tại các điểm a, b và c khoản này có yêu cầu về nhân sự chủ chốt, trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi nhân sự không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì E-HSDT bị loại.

2. Yêu cầu về thiết bị chủ yếu đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn (nếu có), xây lắp:

a) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà chủ đầu tư, bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu cho phù hợp (số lượng, chủng loại, tính năng, công suất...);

b) Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại.

3. Trường hợp trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự, thiết bị như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp không huy động được nhân sự, thiết bị, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

4. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 122 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 31. Mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng

1. Đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ:

Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu.

2. Đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ:

a) Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu;

b) Sau khi có quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, bên mời thầu đăng tải danh sách này trên Hệ thống và đính kèm bản chụp (scan) văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trên Hệ thống. Sau khi đăng tải thành công, Hệ thống gửi thông báo đến các nhà thầu tham dự gói thầu;

c) Sau khi đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, Bên mời thầu mở E-HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và công khai biên bản mở E-HSĐXTC trên Hệ thống.

Điều 32. Đánh giá E-HSDT

1. Quy trình đánh giá E-HSDT:

a) Quy trình 01 áp dụng cho tất cả các gói thầu:

- Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT;
- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm;
- Đánh giá về kỹ thuật;
- Đánh giá về tài chính.

b) Quy trình 02 áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, sử dụng phương pháp “giá thấp nhất” và các E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào:

- Căn cứ vào biên bản mở thầu, Hệ thống tự động xếp hạng nhà thầu theo giá dự thầu thấp nhất (không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu trong trường hợp này);

- Đánh giá tính hợp lệ E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất;
- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu xếp hạng thứ nhất;
- Đánh giá về kỹ thuật của nhà thầu xếp hạng thứ nhất;

Trường hợp nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì đánh giá đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

c) Đối với gói thầu áp dụng theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT quy định trong

E-HSMT, bên mời thầu được chọn một trong hai quy trình quy định tại điểm a và điểm b khoản này để đánh giá E-HSDT. Quy trình 02 chỉ thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại điểm b khoản này.

2. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:

a) Việc đánh giá E-HSDT phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT và các yêu cầu khác trong E-HSMT, các tài liệu làm rõ E-HSMT, căn cứ vào E-HSDT đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ E-HSDT của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu;

b) Sau khi lựa chọn được danh sách ngắn, trường hợp nhà thầu thay đổi tư cách tham dự thầu thì gửi văn bản đến bên mời thầu để xem xét, chấp thuận. Trường hợp bên mời thầu chấp thuận, nhà thầu phải đính kèm các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm trong E-HSDT theo tư cách tham dự thầu mới;

c) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 122 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;

d) Đối với bảo đảm dự thầu, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trong file đính kèm là cơ sở để đánh giá;

đ) Đối với hợp đồng tương tự, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT;

Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại.

e) Đối với xuất xứ của hàng hóa, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT;

g) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm d, đ và e khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;

h) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa) để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;

i) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm, giá trị tài sản ròng đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Trong trường hợp này, bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng mà không phải phê duyệt lại danh sách xếp hạng. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm, giá trị tài sản ròng từ năm 2021 trở đi, bên mời thầu chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.

3. Trường hợp chỉ có 01 nhà thầu tham dự thầu hoặc chỉ có 01 nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì không cần xác định giá đánh giá (trong trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá), điểm tổng hợp (trong trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá), không cần xác định ưu đãi, không cần phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

4. Sau khi đánh giá E-HSDT, tổ trưởng tổ chuyên gia đính kèm bản scan báo cáo đánh giá E-HSDT (có chữ ký của tất cả thành viên trong tổ chuyên gia) lên Hệ thống. Tổ trưởng tổ chuyên gia chịu trách nhiệm về sự thống nhất giữa bản báo cáo đánh giá E-HSDT scan đính kèm trên Hệ thống và bản báo cáo đánh giá E-HSDT bằng giấy có chữ ký của các thành viên trong tổ chuyên gia.

5. Danh sách xếp hạng nhà thầu không cần phải thẩm định trước khi phê duyệt.

Điều 33. Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Bên mời thầu lập tờ trình theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở tờ trình, báo cáo đánh giá E-HSDT, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Điều 34. Thời gian chuẩn bị E-HSDT khi đấu thầu rộng rãi qua mạng đối với gói thầu thuộc trường hợp được chỉ định thầu và gói thầu dịch vụ tư vấn đơn giản

1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp được chỉ định thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng thì thời gian chuẩn bị E-HSDT tối thiểu là 10 ngày.

2. Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có tính chất đơn giản, áp dụng loại hợp đồng trọn gói thì thời gian chuẩn bị E-HSDT tối thiểu là 10 ngày.

Điều 35. Đấu thầu thuộc qua mạng

1. Bên mời thầu lập E-HSMT gồm những nội dung sau:

a) Các nội dung của E-HSMT được thực hiện trên webform bao gồm: Bảng dữ liệu, Đơn dự thầu, Thỏa thuận liên danh (nếu có), Biểu “giá dự thầu và Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu kỹ thuật của thuốc”.

b) Các nội dung còn lại của E-HSMT được bên mời thầu lập và đính kèm trên Hệ thống.

2. Việc lập E-HSMT căn cứ vào các webform nêu tại điểm a khoản 1 Điều này và các quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT. Việc đánh giá E-HSDT phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT và các yêu cầu khác trong E-HSMT, căn cứ vào E-HSDT đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ E-HSDT của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu.

3. Sau khi lập E-HSMT, bên mời thầu in E-HSMT trình chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt. Bên mời thầu chịu trách nhiệm về sự thống nhất giữa nội dung E-HSMT được phê duyệt và E-HSMT trên Hệ thống. Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung E-HSMT được phê duyệt và E-HSMT trên Hệ thống thì nội dung trên Hệ thống là cơ sở để lập, đánh giá E-HSDT.

4. E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống. Bên mời thầu không được phát hành hồ sơ mời thầu bản giấy cho nhà thầu, trường hợp bên mời thầu phát hành bản giấy cho nhà thầu thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu. Nhà thầu tham dự thầu phải nộp chi phí theo quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT.

5. Trường hợp cần sửa đổi E-HSMT, bên mời thầu đăng nhập và chỉnh sửa trực tiếp trên Hệ thống sau khi có sự chấp thuận về nội dung của chủ đầu tư.

6. Trường hợp có sự khác biệt giữa thông tin trong file đính kèm E-HSMT phát hành trên Hệ thống và các thông tin trong webform thì thông tin trong webform là cơ sở để lập, đánh giá E-HSDT.

7. Nhà thầu lập biểu giá dự thầu theo webform, cam kết các nội dung trong đơn dự thầu được Hệ thống tạo ra trên Hệ thống, trường hợp liên danh thì thực hiện liên danh trên Hệ thống. Các nội dung còn lại của E-HSDT do nhà thầu đính kèm trên Hệ thống. Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin trên web form và thông tin trong file đính kèm E-HSDT thì thông tin trên webform là cơ sở để đánh giá E-HSDT.

8. Trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định tại Điều này, Mẫu số 7A, Mẫu số 7B ban hành kèm theo Thông tư này với các quy định còn lại của Thông tư này thì áp dụng quy định tại Điều này và Mẫu số 7A, Mẫu số 7B ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

KHOẢN THU TỪ BẢO ĐẢM DỰ THẦU, BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KHÔNG ĐƯỢC HOÀN TRẢ

Điều 36. Khoản thu từ bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả

Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 8 Điều 11 và khoản 5 Điều 66 của Luật Đấu thầu thì việc sử dụng khoản thu từ bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả được thực hiện như sau:

1. Đối với các dự án, gói thầu có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, khoản thu này được nộp vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
2. Đối với các dự án, gói thầu không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, khoản thu này được sử dụng theo quy chế tài chính của chủ đầu tư.
3. Trường hợp bên mời thầu là đơn vị tư vấn được thuê thì khoản thu này phải nộp lại cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư sử dụng khoản thu này theo quy định tương ứng tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng

1. Năm 2022:

a) Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực xây lắp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ;

b) Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng trong năm phải bảo đảm tổng số lượng gói thầu đạt tối thiểu 80% số lượng gói thầu và tối thiểu 70% tổng giá trị gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

2. Năm 2023:

a) Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hóa (bao gồm thuốc), xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 200 tỷ đồng, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ;

b) Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng trong năm phải bảo đảm tổng số lượng gói thầu đạt tối thiểu 90% số lượng gói thầu và tối thiểu 80% tổng giá trị gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

3. Từ năm 2024 trở đi:

a) Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hóa (bao gồm thuốc), xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 500 tỷ đồng, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ;

b) Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng trong năm phải bảo đảm tổng số lượng gói thầu đạt tối thiểu 95% số lượng gói thầu và tối thiểu 90% tổng giá trị gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ (100%) gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ gói thầu hỗn hợp, gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ.

Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với gói thầu đã được phê duyệt áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và lập E-HSMT theo quy định của Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT, Thông tư số 05/2020/TT-BKHĐT:

a) Trường hợp gói thầu đã đăng tải E-HSMT lên Hệ thống trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo E-HSMT đã đăng tải và các quy định của pháp luật điều chỉnh tương ứng. Trong trường hợp này, việc mở thầu, đăng tải thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống tại địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn> được thực hiện bằng chứng thư số chuyên dùng do Trung tâm cấp;

b) Trường hợp gói thầu chưa lập E-HSMT hoặc đã lập, phê duyệt E-HSMT nhưng chưa đăng tải E-HSMT lên Hệ thống thì phải sửa đổi, phê duyệt lại E-HSMT theo quy định của Thông tư này.

2. Đối với gói thầu đã được phê duyệt không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng:

a) Trường hợp gói thầu đã đăng tải hồ sơ mời thầu lên Hệ thống trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo hồ sơ mời thầu đã phát hành và các quy định của pháp luật điều chỉnh tương ứng;

b) Trường hợp gói thầu chưa lập hồ sơ mời thầu hoặc đã lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa đăng tải hồ sơ mời thầu lên Hệ thống thì phải sửa đổi, phê duyệt lại hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 39 của Thông tư này.

3. Đối với việc lựa chọn danh sách ngắn:

a) Đối với gói thầu đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển trước ngày 01 tháng 01 năm 2023, việc lựa chọn danh sách ngắn được thực hiện theo hồ sơ đã phát hành và các quy định pháp luật điều chỉnh tương ứng;

b) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, gói thầu đã phê duyệt không áp dụng lựa chọn danh sách ngắn qua mạng và chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển thì phải tổ chức lựa chọn danh sách ngắn qua mạng theo quy định của Thông tư này. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền không cần phải điều chỉnh lại kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

4. Đấu thầu thuốc:

a) Đối với gói thầu đã phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày 01 tháng 01 năm 2023, việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo hồ sơ mời thầu đã phát hành và các quy định pháp luật điều chỉnh tương ứng;

b) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, gói thầu đã phê duyệt không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và chưa phát hành hồ sơ mời thầu thì phải tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng theo quy định của Thông tư này. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền không cần phải điều chỉnh lại kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

5. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, gói thầu đã phê duyệt không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và chưa phát hành hồ sơ mời thầu thì tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng theo lộ trình về lựa chọn nhà thầu qua mạng quy định tại Điều 37 của Thông tư này.

Trong mọi trường hợp, đối với việc thay đổi hình thức lựa chọn nhà thầu từ không qua mạng thành qua mạng, chủ đầu tư không phải trình người có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà tự tiến hành, chỉnh sửa hình thức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống từ không qua mạng thành qua mạng. Quy trình chỉnh sửa thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các Thông tư sau chấm dứt hiệu lực:

a) Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dịch vụ tư vấn;

b) Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp;

c) Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá;

d) Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn;

đ) Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

e) Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

g) Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

h) Thông tư số 05/2020/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

2. Đối với gói thầu áp dụng lựa chọn danh sách ngắn, gói thầu mua thuốc, việc sơ tuyển, mời quan tâm qua mạng, mua thuốc qua mạng theo quy định của Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

3. Trường hợp các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu cần bảo mật và không thể công khai trên Hệ thống, người có thẩm quyền quyết định việc đăng tải thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

4. Trường hợp gói thầu đặc thù mà nếu áp dụng các quy định của Mẫu E-HSMT ban hành kèm theo Thông tư này sẽ không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự thì chủ đầu tư, bên mời thầu được chỉnh sửa các yêu cầu này theo nguyên tắc sau:

a) Việc chỉnh sửa yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự khác với quy định của các Mẫu E-HSMT phải bảo đảm việc phân chia gói thầu là hợp lý, quy mô gói thầu không quá lớn để hạn chế cạnh tranh;

b) Khi trình phê duyệt E-HSMT, bên mời thầu phải nêu rõ việc chỉnh sửa E-HSMT trong tờ trình để chủ đầu tư xem xét;

c) Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu; nhà thầu được lựa chọn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

5. Đối với gói thầu mua thuốc, trường hợp có vướng mắc về kỹ thuật lựa chọn nhà thầu qua mạng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn; Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn xử lý vướng mắc liên quan đến việc thực hiện Thông tư số 15/2019/TT-BYT.

6. Số liệu về báo cáo tài chính của nhà thầu được chia sẻ từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thuế điện tử.

7. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung đó.

8. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, khi lập hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, chủ đầu tư, bên mời thầu vận dụng các Mẫu E-HSMT ban hành kèm theo thông tư này trên cơ sở bảo đảm không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

9. Hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống, Báo Đấu thầu phù hợp với lịch nghỉ lễ, Tết theo thông báo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

10. Căn cứ tình hình thực tế, Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể chỉnh sửa các biểu mẫu dưới dạng webform trên Hệ thống nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các bên tham gia vào hoạt động lựa chọn nhà thầu qua mạng, giảm thủ tục hành chính, tăng cường hơn nữa tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu, đồng thời bảo đảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đấu thầu.

11. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các tập đoàn kinh tế nhà

nước, các tổng công ty nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Ngân hàng Phát triển Châu Á tại Việt Nam;
- Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (HC)

Nguyễn Chí Dũng

